

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
Bản án số: 188/2020/HS-ST
Ngày 02 - 12 - 2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trịnh Hồng Hải**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Văn Đẹp**.

2. Bà **Lê Thị Khanh**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Bá Hùng Tâm** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Thị Thanh Hải** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30 tháng 11 và ngày 02 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 215/2020/TLST-HS ngày 04 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 200/2020/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 11 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Ngọc Lan P**; sinh ngày 28 tháng 7 năm 1987 tại tỉnh An Giang; nơi đăng ký thường trú: 19/5 Lê Triệu Kiết, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang; chỗ ở: Phòng trọ số 4, 10/14B Bùi Công Trùng, Ấp 3, xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn H (chết) và bà Nguyễn Thị L; bị cáo có chồng (đã ly hôn) và 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/4/2020 (hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh). Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Nguyễn Trần Ngọc T**; sinh ngày 16 tháng 6 năm 1990 tại tỉnh Kiên Giang; nơi đăng ký thường trú: Ấp Đông Phước, xã Thạnh Đông A, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang; chỗ ở: 10/9 đường ĐT 4, Tổ 12, Ấp 4, xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Phi A và bà Nguyễn Thị T; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/4/2020 (hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh). Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 13 giờ 30 phút ngày 28/4/2020, qua kiểm tra hành chính tại phòng trọ số 4, địa chỉ: 10/14B Bùi Công Trùng, Ấp 3, xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh, Công an xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn phát hiện bắt quả tang Nguyễn Ngọc Lan P và Nguyễn Trần Ngọc T đang sử dụng trái phép chất ma túy. Thu giữ tại sân phòng trọ 01 gói nylon chứa tinh thể không màu, 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá gồm 01 chai nhựa có nắp màu vàng, trên nắp có gắn ống hút nhựa bên trong không chứa gì và 01 co thủy tinh bên trong có chứa chất rắn màu nâu.

Trong quá trình Công an đang lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Nguyễn Ngọc Lan P và Nguyễn Trần Ngọc T thì có người nghiện tên Dương Hồng S đến hỏi mua ma túy nên Công an đã mời S về trụ sở làm việc.

Khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Ngọc Lan P không thu giữ được gì thêm.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Ngọc Lan P khai nhận bản thân nghiện ma túy nên đã thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Gói ma túy thu giữ được tại phòng trọ số 4 là của P mua của đối tượng tên T1 (chưa rõ lai lịch) ở khu vực chợ Đông Thạnh mang về phòng trọ cất giấu để sử dụng và bán lại cho người nghiện. Cùng thực hiện hành vi mua bán ma túy với P còn có bạn trai tên M, khi bị Công an kiểm tra phòng trọ thì M đi đâu không rõ. P đã thu lợi bất chính từ việc mua bán ma túy được 1.200.000 đồng.

Nguyễn Trần Ngọc T khai nhận bản thân nghiện ma túy nên đã đến phòng trọ của P mua ma túy và sử dụng tại đó. Đến khoảng đầu tháng 3/2020, Nguyễn Trần Ngọc T phụ giúp P, M đi giao ma túy cho người nghiện và được P cho ma túy để sử dụng. Thỉnh thoảng, P trả công cho Nguyễn Trần Ngọc T số tiền từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng.

Dương Hồng S khai đã mua ma túy từ P, M được 02 lần. Lần thứ nhất vào lúc 14 giờ 00 phút ngày 21/4/2020, S gọi vào số điện thoại 0908.944.029 gặp người đàn ông tự xưng tên M hỏi mua 01 gói ma túy đá với giá 200.000 đồng, hẹn giao ma túy tại khu vực cầu Bà Năm, xã Nhị Bình, huyện Hóc Môn và người đã giao ma túy cho S là Nguyễn Trần Ngọc T. Lần thứ hai vào lúc 19 giờ 00 phút ngày 25/4/2020, S tiếp tục gọi hỏi mua 200.000 đồng ma túy đá thì P là người giao dịch, hẹn giao ma túy tại khu vực chùa Pháp Bửu, xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn và Nguyễn Trần Ngọc T cũng là người giao ma túy cho S. Đến ngày 28/4/2020 chưa kịp mua ma túy thì bị phát hiện.

Qua xác minh, phòng trọ số 4, địa chỉ: 10/14B Bùi Công Trùng, Ấp 3, xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh do bà Nguyễn Thị L là chủ sở hữu. Vào cuối tháng 3/2020, bà L cho P, M thuê để ở. Bà L không biết P, M sử dụng vào việc mua bán và cho người khác sử dụng trái phép chất ma túy. Nguyễn Ngọc Lan P khai nhận phòng trọ số 4 do P thuê nhưng sau đó P thay đổi lời khai là

do M thuê. Tiến hành ghi lời khai của bà L, bà L khai P, M cùng đến gặp bà L để thuê phòng trọ. Sau đó, cả hai đều đưa chứng minh nhân dân cho bà L để đăng ký tạm trú nhưng do bà L làm mất chứng minh nhân dân của M nên chưa thực hiện được.

Tại Bản kết luận giám định số: 731/KLGD-H ngày 06 tháng 5 năm 2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

- Gói 1: Tinh thể không màu được ký hiệu mẫu m₁ cần giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 4,0009 gam, loại Methamphetamine.

- Gói 2: Chất rắn màu nâu được ký hiệu mẫu m₂ cần giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,0129 gam, loại Methamphetamine.

Tại Bản cáo trạng số: 206/CT-VKS-HS ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc Lan P ra trước Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh để xét xử về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 và điểm b khoản 2 Điều 256 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; truy tố bị cáo Nguyễn Trần Ngọc T ra trước Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh để xét xử về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Lan P từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; áp dụng điểm b khoản 2 Điều 256 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo P từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”. Đề nghị tổng hợp hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Ngọc Lan P theo quy định tại Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Trần Ngọc T từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu hủy đối với 01 gói niêm phong số vụ 731/20 (1) bên trong chứa ma túy còn lại sau giám định; 01 gói niêm phong số vụ 731/20 (2) bên trong là 01 bộ sử dụng ma túy đá, mẫu ma túy đã được sử dụng hết; 01 cân tiểu ly. Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước đối với 01 điện thoại di động hiệu Vsmart màu hồng - tím có gắn số 0587.301.302 (đã qua sử dụng).

Về các vấn đề khác: Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc Lan P phải nộp số tiền thu lợi bất chính 1.200.000 đồng, buộc bị cáo Nguyễn Trần Ngọc T phải nộp số tiền thu lợi bất chính 150.000 đồng để sung vào Ngân sách Nhà nước.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Ngọc Lan P thừa nhận hành vi phạm tội nhiều lần mua bán trái phép chất ma túy. Đối với hành vi chứa chấp việc sử dụng trái

phép chất ma túy bị cáo P không chối tội nhưng bị cáo trình bày bổ sung cho rằng đối tượng tên M là người thuê phòng trọ số 4, địa chỉ: 10/14B Bùi Công Trùng, Ấp 3, xã Đông Thanh, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh của bà Nguyễn Thị L, còn bị cáo P sống chung như vợ chồng với M tại phòng trọ, ngoài ra không còn ai khác cùng cư trú. Nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo. Bị cáo P không có ý kiến tranh luận với nội dung truy tố của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn.

Bị cáo Nguyễn Trần Ngọc T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, không trình bày bổ sung và không có ý kiến tranh luận với nội dung truy tố của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn.

Các bị cáo nói lời nói sau cùng: Các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hóc Môn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, qua phân hỏi và tranh tụng công khai, các bị cáo đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn đã truy tố. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác và các chứng cứ khác đã được thu thập có tại hồ sơ vụ án như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang thu giữ gói 1 chứa tinh thể không màu được ký hiệu mẫu m₁ và gói 2 chứa chất rắn màu nâu được ký hiệu mẫu m₂; Biên bản mở niêm phong xác định khối lượng ma túy; Bản kết luận giám định số: 731/ KLGD-H ngày 06 tháng 5 năm 2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh xác định mẫu m₁ cần giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 4,0009 gam, loại Methamphetamine và mẫu m₂ cần giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,0129 gam, loại Methamphetamine.

Từ đó, có đủ cơ sở chứng minh bị cáo Nguyễn Ngọc Lan P và bị cáo Nguyễn Trần Ngọc T đã nhiều lần thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy cho người nghiện. Bị cáo P thực hiện hành vi cùng đối tượng tên M từ giữa tháng 11/2019. Cuối tháng 3/2020, bị cáo Nguyễn Trần Ngọc T bắt đầu giúp sức cho bị cáo P và đối tượng tên M trong việc giao ma túy cho người nghiện và được cho tiền tiêu xài hoặc ma túy để sử dụng. Bị cáo Nguyễn Trần Ngọc T đã giao ma túy cho người nghiện Dương Hồng S 02 lần vào các ngày 21/4/2020 và 25/4/2020. Đến chiều ngày 28/4/2020, khi các bị cáo Nguyễn Ngọc Lan P và Nguyễn Trần Ngọc T đang cất giấu tổng cộng 4,138 gam ma túy, loại Methamphetamine nhằm mục đích

bán cho người nghiện thì bị Công an phát hiện bắt quả tang tại phòng trọ số 4, địa chỉ: 10/14B Bùi Công Trùng, Ấp 3, xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo Nguyễn Ngọc Lan P đã có hành vi sử dụng địa điểm là nơi ở của mình tại phòng trọ số 4, địa chỉ: 10/14B Bùi Công Trùng, Ấp 3, xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh để chứa chấp việc bị cáo Nguyễn Trần Ngọc T sử dụng trái phép chất ma túy nhiều lần. Tại phiên tòa bị cáo P không thừa nhận hành vi chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy vì bị cáo không thuê phòng trọ, đối tượng tên M là người thuê phòng trọ nhưng những chứng cứ tại cơ quan điều tra gồm: Biên bản ghi lời khai ngày 28/4/2020, bản tự khai ngày 28/4/2020, tờ tự khai ngày 28/4/2020, biên bản đối chất ngày 07/5/2020 và ngày 28/4/2020 giữa bị cáo P và bị cáo T, Biên bản hỏi cung bị can ngày 07/5/2020, biên bản ghi lời khai của bà Nguyễn Thị L ngày 09/9/2020 và lời khai của bị cáo T trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đều thể hiện bị cáo P có quản lý và cùng sử dụng phòng trọ số 4 với đối tượng tên M, bị cáo P có biết bị cáo T là đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy, tuy không cho bị cáo T thuê, mượn địa điểm để sử dụng ma túy nhưng bị cáo P để mặc cho bị cáo T sử dụng trái phép chất ma túy tại nơi bị cáo đang quản lý, sử dụng do đó đủ cơ sở khẳng định bị cáo P có hành vi chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy.

[3] Các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự. Do đó, Bản cáo trạng số: 206/CT-VKS-HS ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc Lan P về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 251 và điểm b khoản 2 Điều 256 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; truy tố bị cáo Nguyễn Trần Ngọc T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ và đúng pháp luật.

Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định:

“1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

...

b) Phạm tội 02 lần trở lên;”

Điều 256 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định:

“1. Người nào cho thuê, cho mượn địa điểm hoặc có bất kỳ hành vi nào khác chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 255 của Bộ luật này, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

...

b) Phạm tội 02 lần trở lên;”

[4] Áp dụng điều luật được viện dẫn nêu trên cho thấy, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thuộc trường hợp rất nghiêm trọng với lỗi cố ý, đã xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Đối với hành vi mua bán trái phép chất ma túy trong vụ án này, bị cáo P đã nhiều lần thực hiện hành vi mua bán trái phép ma túy cho người nghiện từ trước và đã rủ rê, lôi kéo bị cáo T cùng thực hiện hành vi phạm tội bằng cách cho bị cáo T tiền tiêu xài hoặc ma túy để sử dụng, nên bị cáo P phải chịu hình phạt nặng hơn bị cáo T. Từ đó, Hội đồng xét xử cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo, cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, cải tạo, giáo dục riêng đối với các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cần xem xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo.

Đối với bị cáo Nguyễn Ngọc Lan P: Bị cáo P có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đối với bị cáo Nguyễn Trần Ngọc T: Bị cáo T có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] Ngoài hình phạt chính, các bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản theo khoản 5 Điều 251, khoản 3 Điều 256 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xét bản thân các bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định. Do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Ngọc Lan P khai nhận đã thu lợi bất chính từ những lần mua bán ma túy với số tiền 1.200.000 đồng; bị cáo Nguyễn Trần Ngọc T khai nhận đã thu lợi bất chính từ những lần đi giao ma túy cho bị cáo P và đối tượng tên M với số tiền 150.000 đồng. Do đó, cần buộc bị cáo P phải nộp số tiền 1.200.000 đồng, buộc bị cáo T phải nộp số tiền 150.000 đồng để sung vào Ngân sách Nhà nước.

[8] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 gói niêm phong số vụ 731/20 (1) bên trong chứa ma túy còn lại sau giám định có khối lượng 3,8396 gam, bên ngoài có dấu vân tay ghi tên Nguyễn Ngọc Lan P (người bị bắt), Điều tra viên Nguyễn Hoàng Yên và Giám định viên Phan Tấn Quốc; 01 gói niêm phong số vụ 731/20 (2) bên trong là 01 bộ sử dụng ma túy đá, mẫu ma túy đã được sử dụng hết, bên ngoài có dấu vân tay ghi tên Nguyễn

Ngọc Lan P (người bị bắt), Điều tra viên Nguyễn Hoàng Yên và Giám định viên Phan Tấn Quốc thuộc loại vật cấm lưu hành, nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 cân tiểu ly thu giữ tại nơi ở của bị cáo Nguyễn Ngọc Lan P, do không còn giá trị sử dụng, nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Vsmart màu hồng - tím có gắn số 0587.301.302 (đã qua sử dụng) thu giữ của bị cáo Nguyễn Ngọc Lan P, do có liên quan đến hành vi liên lạc mua bán trái phép chất ma túy, nên cần tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

[9] Đối với đối tượng tên T1 - người bán ma túy cho bị cáo Nguyễn Ngọc Lan P và đối tượng tên M - người đã cùng thực hiện hành vi mua bán ma túy với các bị cáo, do không rõ nhân thân, lai lịch nên Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, xử lý sau là phù hợp.

[10] Đối với Dương Hồng S là người nghiện đã mua ma túy của các bị cáo nhưng chưa nhận được ma túy nên không có cơ sở truy cứu trách nhiệm hình sự, Cơ quan điều tra đã giao cho Công an xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn xử lý theo quy định là phù hợp.

[11] Đối với bà Nguyễn Thị L là chủ phòng trọ, do không biết việc các bị cáo cùng với đối tượng tên M thuê phòng trọ để sử dụng vào việc mua bán và chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy nên không có cơ sở truy cứu trách nhiệm hình sự là phù hợp.

[12] Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251, điểm b khoản 2 Điều 256, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 50, Điều 38, Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Ngọc Lan P;

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Ngọc Lan P** phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Lan P 08 (tám) năm tù.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Ngọc Lan P** phạm tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Lan P 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Hình phạt chung bị cáo Nguyễn Ngọc Lan P phải chấp hành là 15 (mười lăm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 28/4/2020.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 50, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Trần Ngọc T;

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Trần Ngọc T** phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trần Ngọc T 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 28/4/2020.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

2. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tạm giam bị cáo Nguyễn Ngọc Lan P thời hạn 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo cho việc thi hành án.

Tạm giam bị cáo Nguyễn Trần Ngọc T thời hạn 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo cho việc thi hành án.

3. Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc Lan P phải nộp số tiền thu lợi bất chính 1.200.000 (một triệu hai trăm nghìn) đồng để sung vào Ngân sách Nhà nước.

Buộc bị cáo Nguyễn Trần Ngọc T phải nộp số tiền thu lợi bất chính 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng để sung vào Ngân sách Nhà nước.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) gói niêm phong số vụ 731/20 (1) bên ngoài có dấu vân tay ghi tên Nguyễn Ngọc Lan P (người bị bắt), Điều tra viên Nguyễn Hoàng Yên và Giám định viên Phan Tấn Quốc, bên trong chứa ma túy còn lại sau giám định; 01 (một) gói niêm phong số vụ 731/20 (2) bên ngoài có dấu vân tay ghi tên Nguyễn Ngọc Lan P (người bị bắt), Điều tra viên Nguyễn Hoàng Yên và Giám định viên Phan Tấn Quốc, bên trong là 01 (một) bộ sử dụng ma túy đá; 01 (một) cân tiểu ly.

Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu Vsmart màu hồng - tím có gắn số 0587.301.302 (đã qua sử dụng).

Vật chứng của vụ án hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn và Công an huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh đang quản lý theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 01 tháng 12 năm 2020.

4. Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Về án phí: Buộc các bị cáo Nguyễn Ngọc Lan P và Nguyễn Trần Ngọc T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm. Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP.Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- Cơ quan điều tra Công an H. Hóc Môn;
- Chi cục Thi hành án DS H. Hóc Môn;
- Nhà tạm giữ Công an H. Hóc Môn;
- UBND phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang;
- UBND Ấp Đông Phước, xã Thạnh Đông A, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang;
- Bị cáo;
- Người cqlnvlq;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Hồng Hải